

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2020/QĐXXST-HN ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đô Ha M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang;

2. *Bị đơn:* Chị Sa Ki R, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Đô Ha M có mặt tại phiên tòa; Chị Sa Ki R vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đô Ha M trình bày: Vào năm 2012, anh Đô Ha M và chị Sa Ki R tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 206/2012, quyển số 02/2012, ngày 03/10/2012. Sau lễ cưới, anh Đô Ha M và chị Sa Ki R sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị Sa Ki R tại ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị

xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Tình cảm của anh Đô Ha M đối với chị Sa Ki R đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đô Ha M yêu cầu ly hôn với chị Sa Ki R.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 296/TB-TLVA ngày 08/6/2020 và Thông báo hòa giải số 408/TB-TA ngày 09/7/2020 cho chị Sa Ki R thông qua người thân là chị Ay Sah (em ruột chị Sa Ki R) nhận thay và chị Ay Sah xác nhận có thông tin cho chị Sa Ki R biết về việc anh Đô Ha M khởi đơn kiện ly hôn với chị Sa Ki R tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Sa Ki R vắng mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Đô Ha M kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Sa Ki R.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh về nơi cư trú của chị Sah Ki R tại Công an xã Châu Phong, thị xã Tân Châu; Xác minh (ghi lời khai) của chị Ay Sah (em ruột chị Sa Ki R) về mối quan hệ hôn nhân và nơi cư trú của chị Sa Ki R. Cụ thể:

Công an xã Châu Phong, thị xã Tân Châu cung cấp: Chị Sa Ki R có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7, ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (số sổ hộ khẩu 748). Hiện nay, chị Sa Ki R vắng mặt tại địa phương.

Chị Ay Sah cung cấp: Chị Sa Ki R đăng ký hộ khẩu chung với chị Ay Sah tại Tổ 7, ấp C, xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang (số sổ hộ khẩu 748) nhưng hiện nay chị Sa Ki R đi làm thuê ở Long An, địa chỉ cụ thể thì chị Ay Sah không biết. Chị Sa Ki R và anh Đô Ha M tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, tổ chức lễ cưới năm 2012 (theo nghi thức của dân tộc Chăm). Sau khi cưới nhau thì anh Đô Ha M và chị Sa Ki R sống tại Tổ 7, ấp C, xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng anh Đô Ha M và chị Sa Ki R chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, chị Sa Ki R bỏ đi làm ở Long An cho đến nay không về nhà, còn anh Đô Ha M đi làm ở Bình Dương cho đến nay. Anh Đô Ha M và chị Sa Ki R đã sống xa nhau từ năm 2017 cho đến nay. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị Sa Ki R không về nhà được và không đến Tòa án là do bận công việc, chị Sa Ki R cũng muốn làm thủ tục ly hôn với anh Đô Ha M tại Tòa án nhưng do bận công việc, xin nghỉ tại Công ty khó khăn nên không về, đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật cho chị Sa Ki R được ly hôn với

anh Đô Ha M. Anh Đô Ha M và chị Sa Ki R không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Năm 2012, anh Đô Ha M và chị Sa Ki R tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Năm 2017, phát sinh mâu thuẫn do về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Tình cảm của anh Đô Ha M và chị Sa Ki R đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Anh Đô Ha M yêu cầu ly hôn với chị Sa Ki R là có căn cứ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đô Ha M được ly hôn chị Sa Ki R.

Về án phí: Anh Đô Ha M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh Đô Ha M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Sa Ki R. Chị Sa Ki R có nơi cư trú: Tổ 7, ấp C, xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Sa Ki R được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2012, anh Đô Ha M và chị Sa Ki R tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 206/2012, quyển số 02/2012, ngày 03/10/2012, không vi phạm điều kiện cấm kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân.

Anh Đô Ha M khai, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Tình cảm của anh Đô Ha M đối với chị Sa Ki R đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đô Ha M yêu cầu ly hôn với chị Sa Ki R.

Chị Ay Sah (em ruột chị Sa Ki R) cung cấp, chị Sa Ki R và anh Đô Ha M tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, tổ chức lễ cưới năm 2012 (theo nghi thức của dân tộc Chăm). Sau khi cưới nhau thì anh Đô Ha M và chị Sa Ki R sống tại Tổ 7, ấp C, xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng anh Đô Ha M và chị Sa Ki R chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, chị Sa Ki R bỏ đi làm ở Long An cho đến nay không về nhà, còn anh Đô Ha M đi làm ở Bình Dương cho đến nay. Anh Đô Ha M và chị Sa Ki R đã sống xa nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của anh Đô Ha M và chị Sa Ki R phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 và sống xa nhau từ năm 2017 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh Đô Ha M và chị Sa Ki R không hàn gắn tình cảm. Tòa án tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho anh Đô Ha M và chị Sa Ki R hàn gắn tình cảm gia đình, nhưng chị Sa Ki R vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Từ đó, cho thấy chị Sa Ki R chưa thật sự hàn gắn tình cảm với anh Đô Ha M.

Tình trạng vợ chồng anh Đô Ha M và chị Sa Ki R đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho anh Đô Ha M. Xét, cho anh Đô Ha M ly hôn với chị Sa Ki R là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đô Ha M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Đô Ha M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Đô Ha M đã nộp đủ. Chị Sa Ki R không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đô Ha M.

Anh Đô Ha M được ly hôn với chị Sa Ki R.

Giấy chứng nhận kết hôn số 206/2012, quyền số 02/2012, ngày 03/10/2012 do Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho anh Đô Ha M và chị Sa Ki R không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Đô Ha M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0001272 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Anh Đô Ha M đã nộp đủ án phí.

Chị Sa Ki R không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Đô Ha M là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo chị Sa Ki R là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết